

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS - ST
Ngày: 13 - 7 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Nguyễn Hồng Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2018/TLST- HS, ngày 30 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST- HS, ngày 20/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/HSST – QĐ, ngày 04/7/2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1988, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P; Họ và tên mẹ: Không rõ; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: 01 tiền án (Ngày 06/9/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố H tuyên phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 09/9/2016 bị Tòa án nhân huyện C, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 20/10/2016 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tổng hợp hình phạt là 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2017); Tiền sự: Không; Nhân thân: Không tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/3/2018 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Hồ Văn Bé N, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Anh Lê Văn T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chị Đặng Thị M, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh

Trà Vinh.

Tất cả đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tất cả đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản Cáo trạng số: 19/CT – VKSND - TC, ngày 29/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự với hành vi như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 20 đến ngày 26/02/2018, bị cáo Nguyễn Văn V thực hiện 02 (hai) vụ án trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ án thứ nhất: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/02/2018, bị cáo Nguyễn Văn V phát hiện nhà bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1972, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đóng cửa và không có ai ở nhà, do nhà bị cáo và nhà bà T giáp nhau. Sau đó, bị cáo mở cửa đột nhập vào bên trong nhà bà T, bị cáo phát hiện 01 (một) xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash, bánh mâm, phanh đĩa, màu xám đen, biển kiểm soát 84H1-101.74 dựng trong nhà, bị cáo tìm thấy chìa khóa xe mô tô để trên bàn nên bị cáo sử dụng chìa khóa xe mở khóa, điều khiển xe mô tô từ trong nhà bà T chạy trên đường nhựa thuộc khóm 4, thị trấn Q thì Nguyễn Duy B, sinh năm 1989, ngụ cùng khóm phát hiện nên anh B thông báo cho bà T biết. Sau đó, bà T vào nhà kiểm tra phát hiện bị mất trộm xe mô tô trên nên bà T đã trình báo với cơ quan Công an. Đến khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 23/02/2018, bị cáo đem xe mô tô trên dựng trong lề nhựa, trước nhà bà T. Đồng thời, đến sáng cùng ngày bà T phát hiện xe mô tô của mình nên bà T thông báo cho cơ quan Công an biết.

Vật chứng thu giữ gồm có: 01 (một) xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash, bánh mâm, phanh đĩa, màu xám đen, biển kiểm soát 84H1-101.74.

Tại bản kết luận số: 10/KL. HĐ, ngày 24/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash, bánh mâm, phanh đĩa tương đương với 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha loại Sirius, bánh mâm, phanh đĩa, với giá trị tài sản còn lại thành tiền là 5.790.000 đồng. Do thời điểm bị mất trộm trên địa bàn huyện T không có loại xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash nên Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá theo loại tài sản tương đương.

Vụ án thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 26/02/2018, bị cáo Nguyễn Văn V một mình đi bộ đến quán của Lê Văn T, sinh năm 1980, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh để chơi. Tại đây, bị cáo nằm võng chơi được một lát, rồi bị cáo đi ra sau nhà anh T để đi về nhà thì bị cáo phát hiện 01 (một) con

gà trống, có cựa dài của anh T được nhốt trong bội nên bị cáo nảy sinh ý định bắt trộm. Sau đó, bị cáo lén lút đến bắt trộm, rồi đi bộ ra ngoài đồng thì anh T phát hiện bị mất con gà trống trên nên anh T đi tìm xung quanh và nhìn thấy bị cáo đang đi ngoài đồng nên anh T chạy theo gặp bị cáo. Khi thấy anh T, bị cáo đang ôm con gà trống trước bụng, anh T kêu bị cáo trả lại con gà cho anh T. Sau đó, bị cáo trả lại cho anh T, rồi bị cáo đi về nhà, còn anh T đem con gà trống trên vào nhà và trình báo với cơ quan Công an.

Tại bản kết luận số 07/KL. HĐ, ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) con gà trống bán thịt, có cựa dài, trọng lượng 03 kilôgam, có giá trị thành tiền là 285.000 đồng.

Với giá trị tài sản bị thiệt hại là 285.000 đồng, không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 26/02/2018 đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Qua làm việc, bị cáo Nguyễn Văn V thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) con gà trống của Lê Văn T, nhằm mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô của Trần Thị Thu T.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Công an đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 (một) xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash, bánh mâm, phanh đĩa, màu xám đen, biển kiểm soát 84H1-101.74 cho Trần Thị Thu T theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn V thừa nhận bản cáo trạng xác định hành vi phạm tội của bị cáo là đúng. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo V bị cáo không thừa nhận hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô của Trần Thị Thu T nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình là trộm cắp tài sản của chị T và bị cáo không bổ sung gì thêm nội dung bản cáo trạng.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án:

- Bị hại chị Trần Thị Thu T và anh Hồ Văn Bé N khai vào ngày 20/02/2018, chị T, anh N mất 01 (một) xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash, bánh mâm, phanh đĩa, màu xám đen, biển kiểm soát 84H1-101.74. Chị T, anh N đã nhận lại được tài sản tại Cơ quan Điều tra Công an huyện T. Về mặt trách nhiệm hình sự chị T, anh N yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị hại anh Lê Văn T và chị Đặng Thị M khai vào ngày 26/02/2018, anh T, chị M mất 01 (một) con gà trống, có cựa dài, trọng lượng 03 kilôgam, có giá trị 285.000 đồng, anh T, chị M đã nhận lại được tài sản. Về mặt trách nhiệm hình sự anh T, chị M yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị L khai: Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 26/02/2018, anh M, chị L có nghe được cuộc nói chuyện của anh T và Nguyễn Văn V về việc V thừa nhận có trộm con gà của anh T. Anh M, chị L có thấy bị cáo V trả lại con gà đã bắt trộm cho anh T. Anh M, chị L yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng anh Nguyễn Duy B khai: Vào khoảng hơn 08 giờ, ngày 20/02/2018 khi anh đang ở nhà thì thấy bị cáo V chạy chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, màu xám đen, anh B nghi ngờ xe của chị T và có đến nhà chị T báo cho chị T hay và phát hiện chiếc xe chị T bị mất trộm. Anh B yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Viện đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo V từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Thu T, anh Hồ Văn Bé N, anh Lê Văn T và chị Đặng Thị M không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý xong.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn V nói lời sau cùng: Trong quá trình tạm giam bị cáo đã ăn năn, hối cải yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị Trần Thị Thu T, anh Hồ Văn Bé N, anh Lê Văn T, chị Đặng Thị M; Người làm chứng anh Nguyễn Duy B, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên, Quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận của

Hội đồng định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tình tiết và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định: Vào ngày 20/02/2018, bị cáo Nguyễn Văn V đã lén lút chiếm đoạt tài sản 01 (một) xe mô tô, hiệu Suzuki loại Smash, bánh mâm, phanh đĩa, màu xám đen, biển kiểm soát 84H1-101.74 trị giá 5.790.000 đồng của bị hại chị Trần Thị Thu T, anh Hồ Văn Bé N. Tiếp đến ngày 26/02/2018, bị cáo tiếp tục lén lút chiếm đoạt của anh T, chị M 01 (một) con gà trống, có cựa dài, trọng lượng 03 kilôgam, có giá trị 285.000 đồng. Với giá trị tài sản bị thiệt hại là 285.000 đồng, không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 26/02/2018 đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác của bị cáo Nguyễn Văn V đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Từ lẽ đó, xét bản cáo trạng số: 19/CT – VKSND - TC, ngày 29/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi của bị cáo là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, bản thân bị cáo có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính, nhưng trái lại muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải mất công sức nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Đồng thời, trong thời gian gần đây trên địa bàn huyện T tình hình trộm cắp tài sản diễn ra rất phức tạp, để góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện nên cần xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Văn V đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự với tính tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trình độ học vấn của bị cáo thấp đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Thu T, anh Hồ Văn Bé N, anh Lê Văn T và chị Đặng Thị M không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Thu T, anh Hồ Văn Bé N, anh Lê Văn T và chị Đặng Thị M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý xong nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- CQ THAHS CA H. Tiểu Cần;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh